

### I. Thông tin chung

|                                     |                                                                          |
|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: <b>Quản trị ngân hàng</b> | Số tín chỉ: 3                                                            |
| Mã học phần: <b>71FINC40203</b>     | Mã nhóm lớp học phần:<br>241_71FINC40203_01,02,03,04,05                  |
| Thời gian làm bài: <b>60 phút</b>   | Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp tự luận</b>                        |
| SV được tham khảo tài liệu:         | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>    |
| Giảng viên nộp đề thi, đáp án       | Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> |

### II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO                                                                                                               | Hình thức đánh giá    | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------------------------|
| (1)         | (2)                                                                                                                        | (3)                   | (4)                                        | (5)            | (6)            | (7)                                 |
| CLO1        | Áp dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng để xây dựng chiến lược hoạt động của ngân hàng thương mại.                   | Trắc nghiệm + Tự luận | 40%                                        | 1-20           | 7              | R                                   |
| CLO2        | Đánh giá các yếu tố liên quan đến việc ra quyết định điều hành của nhà quản trị.                                           |                       |                                            | 2              | 3              | R                                   |
| CLO3        | Xác định các giải pháp quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.                                                   |                       |                                            |                |                | R                                   |
| CLO4        | Vận dụng tư duy phản biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn trong quản trị trong NHTM. |                       |                                            |                |                | I                                   |

### I. Thông tin chung

|                               |                                                                          |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Học phần: Quản trị ngân hàng  | Số tín chỉ: 3                                                            |
| Mã học phần: 71FINC40203      | Mã nhóm lớp học phần:<br>241_71FINC40203_01,02,03,04,05                  |
| Thời gian làm bài: 60 phút    | Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp tự luận</b>                        |
| SV được tham khảo tài liệu:   | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>    |
| Giảng viên nộp đề thi, đáp án | Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> |

### II. Nội dung câu hỏi thi

#### PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm, 0,35 điểm/câu)

Câu 1: Triển khai Basel II giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn do trình độ quản trị rủi ro được tăng cường, các biện pháp quản trị rủi ro. Tuy nhiên khi triển khai Basel II rộng rãi tại các ngân hàng, trong thời gian đầu triển khai, do yêu cầu về vốn và thanh khoản cao lên làm cho chi phí vốn\_\_\_\_, kết quả là lợi nhuận ròng của ngân hàng sẽ\_\_\_\_\_.

- A. tăng, giảm
- B. tăng cao, không đổi
- C. giảm, tăng cao
- D. giảm, không đổi

ANSWER: A

Câu 2: Trong hoạt động tín dụng, yếu tố nào sau đây KHÔNG thuộc nguyên tắc 5C trong thẩm định tín dụng?

- A. Cooperate
- B. Collateral
- C. Condition
- D. Character

ANSWER: A

Câu 3: Theo yêu cầu trong hiệp ước Basel I năm 1988, tỉ lệ vốn cơ bản trên tổng tài sản có quy đổi rủi ro ít nhất là

- A. 4%
- B. 9%
- C. 8%

D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

Câu 4: Khái niệm “tính thanh khoản” trong ngân hàng là gì?

- A. Khả năng đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng
- B. Khả năng sinh lời từ các khoản đầu tư của ngân hàng
- C. Khả năng gia tăng vốn của ngân hàng
- D. Khả năng mở rộng mạng lưới chi nhánh của ngân hàng

ANSWER: A

Câu 5: Trong hoạt động huy động vốn, nguồn vốn nào của ngân hàng thương mại có chi phí cao nhất?

- A. Phát hành trái phiếu
- B. Tiền gửi không kỳ hạn
- C. Tiền gửi thanh toán
- D. Vay từ Ngân hàng Trung ương

ANSWER: A

Câu 6: Trong rủi ro tín dụng, biện pháp khai thác nợ được sử dụng khi:

- A. Khả năng xảy ra tổn thất cho ngân hàng chưa thực sự nghiêm trọng
- B. Khả năng xảy ra tổn thất cho ngân hàng thực sự nghiêm trọng
- C. Ngân hàng không còn khả năng thu hồi nợ gốc và lãi
- D. Không đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 7: Duy trì dự trữ vượt mức có được coi là một trong những biện pháp để phòng ngừa rủi ro thanh khoản các tổ chức tín dụng?

- A. Có
- B. Không
- C. Chưa chắc chắn
- D. Không có đáp án nào đúng

ANSWER: A

Câu 8: Tỷ lệ nợ xấu phản ánh điều gì về chất lượng tài sản của ngân hàng?

- A. Chất lượng quản lý tín dụng
- B. Khả năng sinh lời
- C. Khả năng thanh toán

D. Quy mô vốn tự có

ANSWER: A

Câu 9: Phương pháp quản lý nào KHÔNG được áp dụng trong quản lý rủi ro thanh khoản?

- A. Giới hạn tín dụng
- B. Đa dạng hóa nguồn vốn
- C. Tham gia thị trường liên ngân hàng
- D. Xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản

ANSWER: A

Câu 10: Khe hở thanh khoản được hiểu là?

- A. Là chênh lệch giữa tổng cung và tổng cầu thanh khoản tại một thời điểm
- B. Là chênh lệch giữa cung và cầu thanh khoản
- C. Là chênh lệch giữa tổng cung và tổng cầu thanh khoản
- D. Tất cả các ý trên đều đúng

ANSWER: A

Câu 11: Quản trị ngân hàng là:

- A. Quá trình lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động của ngân hàng.
- B. Việc ngân hàng điều chỉnh lãi suất và các chính sách tín dụng.
- C. Hoạt động của Ngân hàng Trung ương trong việc kiểm soát hệ thống ngân hàng thương mại.
- D. Quá trình phát hành cổ phiếu và trái phiếu của ngân hàng.

ANSWER: A

Câu 12: Việc theo dõi đối tượng quản trị đang hoạt động và kết quả công việc của nhân viên thuộc chức năng nào sau đây của công việc quản trị ngân hàng?

- A. Kiểm tra.
- B. Hoạch định.
- C. Tổ chức.
- D. Lãnh đạo.

ANSWER: A

Câu 13: Tài sản Nợ nhạy cảm với lãi suất bao gồm:

- A. Chứng chỉ tiền gửi 5 năm lãi suất thả nổi điều chỉnh 1 năm 1 lần
- B. Cho vay kinh doanh chứng khoán
- C. Cho vay kinh doanh bất động sản
- D. Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: A

Câu 14: Việc nhà quản trị thực hiện các mục tiêu có tính chất ngắn hạn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thuộc loại hoạch định nào trong hoạch định chiến lược kinh doanh ngân hàng?

- A. Hoạch định tác nghiệp.
- B. Hoạch định chiến lược.
- C. Hoạch định rủi ro.
- D. Hoạch định kinh doanh

ANSWER: A

Câu 15: Dự trữ của NH bao gồm các tài khoản nào?

- A. Tiền mặt tại quỹ của các NHTM và các loại tiền gửi của NHTM tại NHTW và tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác
- B. Tiền gửi thanh toán của NH
- C. Tiền mặt tại quỹ
- D. Tiền gửi tại NHTW

ANSWER: A

Câu 16: Ngân hàng huy động vốn với lãi suất huy động được ấn định là 8,5%/năm, kỳ hạn nguồn vốn huy động là 1 năm. Ngân hàng dùng nguồn vốn này để đầu tư cho vay trung hạn, lãi suất cố định của khoản đầu tư là 9%/năm, thời hạn 2 năm. Điều gì sẽ xảy ra nếu lãi suất huy động giảm còn 8% vào năm thứ 2?

- A. Ngân hàng sẽ phải tái tài trợ tài sản Nợ nhưng không phải hứng chịu rủi ro và còn tăng lợi nhuận vì chi phí huy động vốn giảm.
- B. Ngân hàng sẽ chịu rủi ro tín dụng.
- C. Thu nhập của ngân hàng sẽ tăng tương ứng với 0,5% lãi suất tăng thêm vào năm thứ 2 do tiết giảm được chi phí huy động vốn.
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

Câu 17: Basel I tập trung vào loại rủi ro nào trong hoạt động ngân hàng?

- A. Rủi ro tín dụng
- B. Rủi ro thị trường
- C. Rủi ro hoạt động
- D. Rủi ro thanh khoản

ANSWER: A

Câu 18: Theo Basel II thì yêu cầu tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) riêng lẻ của các tổ chức tín dụng phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ bao nhiêu %?

- A. 8%
- B. 9%
- C. 7%
- A. 10%

ANSWER: A

Câu 19: Phát biểu nào sau đây là sai:

- B. Basel I phân loại rủi ro chi tiết cho các khoản cho vay.
- C. Basel I chưa đề cập đến đầy đủ các rủi ro.
- D. Một số quy định trong Basel I đã không còn phù hợp khi các ngân hàng dần dần sáp nhập với nhau.
- E. Basel I chưa tính đến lợi ích của đa dạng hóa hoạt động.

ANSWER: A

Câu 20: Ngân hàng H có tổng dư nợ là 500 tỷ đồng, trong đó nợ quá hạn là 25 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ quá hạn là bao nhiêu?

- A. 5%
- B. 4%
- C. 6%
- D. 7%

ANSWER: A

### **PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)**

#### **Câu 1: (2,0 điểm)**

Từ báo cáo tài chính của ngân hàng ABC tại thời điểm 31/12/2023

Tổng dư nợ cho vay khách hàng: 100.000 tỷ VND

Nợ quá hạn: 5.000 tỷ VND

Nợ xấu: 3.000 tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế: 7.000 tỷ VND

Tổng tài sản: 200.000 tỷ VND

Vốn chủ sở hữu: 20.000 tỷ VND

Yêu cầu: Hãy tính và cho nhận xét các tỷ số tài chính sau

1. Tỷ lệ nợ quá hạn (0,5 điểm)
2. Tỷ lệ nợ xấu (0,5 điểm)

3. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) (0,5 điểm)
4. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) (0,5 điểm)

### **Đáp án**

Tỷ lệ nợ quá hạn = Nợ quá hạn / Tổng dư nợ cho vay khách hàng  
 $= 5.000 / 100.000 = 5\%$

Tỷ lệ nợ xấu = Nợ xấu / Tổng dư nợ cho vay khách hàng  
 $= 3.000 / 100.000 = 3\%$

Tỷ lệ nợ quá hạn 5% và tỷ lệ nợ xấu 3% đều nằm trong mức quy định tối đa theo các tiêu chuẩn Basel, cho thấy chất lượng tài sản của ngân hàng ở mức tương đối tốt.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản  
 $= 7.000 / 200.000 = 3,5\%$

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) 3,5% là mức khá cao, cho thấy ngân hàng sử dụng tài sản một cách hiệu quả.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu  
 $= 7.000 / 20.000 = 35\%$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) 35% rất cao, chứng tỏ ngân hàng hoạt động hiệu quả.

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của ngân hàng đều ở mức tốt, cho thấy tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của ngân hàng ổn định và hiệu quả.

### **Câu 2: (1,0 điểm)**

Ngân hàng Y đang xem xét mở rộng mô hình ngân hàng số. Hãy phân tích 3 cơ hội và 3 thách thức của việc này và đề xuất 4 giải pháp triển khai thành công.

### **Gợi ý trả lời: Mỗi ý 0,1 điểm**

- Cơ hội: Giảm chi phí, tiếp cận khách hàng mới, cải thiện trải nghiệm...
- Thách thức: Đầu tư lớn, rủi ro an ninh mạng, thay đổi văn hóa tổ chức....
- Giải pháp: Xây dựng lộ trình rõ ràng, đầu tư vào công nghệ, tăng cường bảo mật, hợp tác với fintech.

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**



**TS. Mai Thị Phương Thùy**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2024.*  
**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**



**ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Châu**